

Phụ lục 12**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
1.	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
2.	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
3.	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc	13,5 ngày làm việc	
4.	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc	11 ngày làm việc	
5.	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	
6.	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	
7.	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
8.	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
9.	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
10.	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	

			sơ trong trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	sơ trong trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	
11.	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	
12.	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Trường hợp không gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Trường hợp không gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	
13.	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp chấp thuận nhu cầu và cấp giấy phép lao động. - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp chấp thuận nhu cầu và cấp giấy phép lao động. 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường	

			hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động.	hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động	
14.	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	
15.	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	
16.	1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
17.	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
18.	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (05 ngày) - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (2,5 ngày) - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy	

			phép (08 ngày)	phép (04 ngày)	
19.	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
20.	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
21.	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
22.	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
23.	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
24.	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
25.	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
26.	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Không quy định	Không quy định	
27.	2.000839	Giải quyết hỗ trợ học nghề	5 ngày làm việc (Tổng thời gian theo quy định: 20 ngày làm việc)	2,5 ngày làm việc	Thực hiện cắt giảm thời gian của cơ quan có thẩm quyền giải quyết
28.	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Không quy định	Không quy định	
29.	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
30.	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
31.	2.000148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Không quy định	Không quy định	
32.	1.011546	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	- Ngân hàng chính sách: trong thời hạn	- Ngân hàng chính sách: trong thời hạn	

			10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn -Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt	10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn -Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt	
33.	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	- Ngân hàng chính sách: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt	Ngân hàng chính sách: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt	
34.	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	

		trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)			
35.	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	- 25 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ; - 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi	- 12,5 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ; - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi	
36.		Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	10 ngày, trong đó: - 05 ngày SNV - 05 Ngày BHXH	05 ngày, trong đó: - 2,5 ngày SNV - 2,5 Ngày BHXH	
37.	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	15 ngày: - 10 ngày SNV - 05 Ngày BHXH	7,5 ngày: - 05 ngày SNV - 2,5 Ngày BHXH	
38.	2.000134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	05 ngày	04 ngày	
39.	2.002341	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	10 ngày làm việc, trong đó: - 05 ngày Sở Nội vụ - 05 Ngày BHXH	05 ngày làm việc, trong đó: - 2,5 ngày Sở Nội vụ - 2,5 Ngày BHXH	
40.	1.013337	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (nay là Bộ Nội vụ)	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	

41.	1.013723	Kiểm tra Nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
42.	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
43.	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
44.	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
45.	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
46.	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
47.	1.013732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
48.	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
49.	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
50.		Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
51.	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
52.		Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

53.	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Không quy định	Phòng Người có công đề xuất 30 ngày, trong đó: UBND xã cấp xã: 10 ngày, Sở Nội vụ: 10 ngày, Ủy ban nhân dân thành phố: 10 ngày	
54.	1.004964	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	20 ngày làm việc (Công khai danh sách người hưởng trợ cấp trong thời hạn 10 ngày; UBND cấp xã 05 ngày làm việc; Sở Nội vụ: 05 ngày làm việc	15 ngày làm việc (Công khai danh sách người hưởng trợ cấp trong thời hạn 10 ngày; UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc; Sở Nội vụ: 2,5 ngày làm việc	
55.	1.010801	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ, trong đó: 3.1. Trường hợp áp dụng theo Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (đối với bố, mẹ, vợ, chồng, người có công nuôi liệt sĩ, con liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi hoặc con liệt sĩ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học);	20 ngày	10 ngày	
		3.2. Trường hợp quy định tại điểm d, đ, Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (trường hợp con liệt sĩ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật, khuyết tật đặc biệt nặng);	10 ngày	05 ngày	
		3.3. Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	12 ngày	06 ngày	

56.	1.010802	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác, trong đó: 4.1. Đối với trường hợp Sở Nội vụ nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Nội vụ quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.	12 ngày	06 ngày	
		4.2. Đối với trường hợp hồ sơ liệt sĩ do địa phương khác quản lý	17 ngày	8,5 ngày	
57.	1.010803	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc. - Sở Nội vụ 12 ngày	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 06 ngày	
58.	1.010804	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc, -Sở Nội vụ 6 ngày	
59.	1.010805	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc, -Sở Nội vụ 6 ngày	
60.	1.010806	Thủ tục công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	84 ngày trong đó: - Sở Nội vụ 24 ngày - Hội đồng Giám định y khoa 60 ngày, không tính thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương.	42 ngày trong đó - Sở Nội vụ 12 ngày, - Hội đồng giám định y khoa 30 ngày, không tính thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương.	
61.	1.010807	Thủ tục khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	84 ngày trong đó: - Sở Nội vụ 24 ngày; - Hội đồng Giám định y khoa 60 ngày	42 ngày trong đó: - Sở Nội vụ 12 ngày; - Hội đồng Giám định y khoa 30 ngày	

62.	1.010808	Thủ tục giải quyết hưởng thêm chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	17 ngày	08 ngày	
63.	1.010809	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	24 ngày trong đó: - Sở Nội vụ 12 ngày - Bảo hiểm xã hội 12 ngày	12 ngày trong đó: - Sở Nội vụ 6 ngày - Bảo hiểm xã hội 6 ngày	
64.	1.010810	Thủ tục công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an, trong đó: 12.1. Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương do Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận bị thương.	- 128 ngày (trong đó: UBND cấp xã 48 ngày; Sở Nội vụ 20 ngày; Hội đồng Giám định y khoa 60 ngày; không tính thời gian tại Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố).	- 64 ngày (trong đó: UBND cấp xã 24 ngày; Sở Nội vụ 10 ngày; Hội đồng Giám định y khoa 30 ngày; không tính thời gian tại Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố).	
		12.2. Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương do Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận bị thương:	- 134 ngày (trong đó: UBND cấp xã nơi thường trú 6 ngày; UBND cấp xã nơi thường trú trước khi bị thương: 48 ngày; Sở Nội vụ 20 ngày; Hội đồng Giám định y khoa 60 ngày; không tính thời gian tại Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố).	- 67 ngày (trong đó: UBND cấp xã nơi thường trú 3 ngày; UBND cấp xã nơi thường trú trước khi bị thương: 24 ngày; Sở Nội vụ 10 ngày; Hội đồng Giám định y khoa 30 ngày; không tính thời gian tại Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố).	

		12.3. Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương không do Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận bị thương:	- 134 ngày (trong đó: UBND cấp xã nơi thường trú 6 ngày; UBND cấp xã nơi thường trú trước khi bị thương: 48 ngày; Sở Nội vụ 20 ngày; Hội đồng Giám định y khoa 60 ngày; không tính thời gian tại Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố).	67 ngày (trong đó: UBND cấp xã nơi thường trú 3 ngày; UBND cấp xã nơi thường trú trước khi bị thương: 24 ngày; Sở Nội vụ 10 ngày; Hội đồng Giám định y khoa 30 ngày; không tính thời gian tại Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố).	
65.	1.010811	Thủ tục lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	- Ủy ban nhân dân cấp xã/Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng: 15 ngày làm việc - Sở Nội vụ 27 ngày (20 ngày làm, 07 ngày phê duyệt danh sách hằng năm).	- Ủy ban nhân dân cấp xã/Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng: 8 ngày làm việc - Sở Nội vụ 13,5 ngày (10 ngày làm quyết hồ sơ mới, 3,5 ngày phê duyệt danh sách hằng năm)	
66.	1.010812	Thủ tục tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do thành phố quản lý	- UBND xã 07 ngày làm việc - Sở Nội vụ 05 ngày làm việc.	- UBND cấp xã 3,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 2,5 ngày làm việc.	
67.	1.010813	Thủ tục đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do thành phố quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	06 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
68.	1.010814	Thủ tục cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Nội vụ quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc. - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc. - Sở Nội vụ 6 ngày.	

69.	1.010815	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Ban thường vụ Thành phố ủy 20 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày làm việc.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Ban thường vụ Thành phố ủy 10 ngày làm việc - Sở Nội vụ 6 ngày làm việc.	
70.	1.010816	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, trong đó: 18.1.Thủ tục đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 24 ngày. - Hội đồng Giám định y khoa thành phố 60 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày. - Hội đồng Giám định y khoa thành phố 30 ngày.	
		18.2. Thủ tục đối với người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trường hợp còn vướng mắc về tình trạng dị dạng, dị tật, nếu con đẻ còn sống;	-UBND cấp xã 12 ngày. - Sở Nội vụ 12 ngày, - Hội đồng Giám định y khoa thành phố 60 ngày.	- UBND cấp xã 6 ngày - Sở Nội vụ 6 ngày, - Hội đồng Giám định y khoa thành phố 30 ngày	
		18.3. Thủ tục đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ.	- UBND cấp xã 12 ngày - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 6 ngày - Sở Nội vụ 6 ngày.	
71.	1.010817	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (MSHS: 1.010817)	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 24 ngày, - Hội đồng Giám định y khoa thành phố 60 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc, - Sở Nội vụ 12 ngày, - Hội đồng Giám định y khoa thành phố 30 ngày.	

72.	1.010818	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 6 ngày	
73.	1.010819	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 6 ngày	
74.	1.010820	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	-UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày làm việc.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 6 ngày làm việc	
75.	1.010821	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó: -Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý;	- Cơ quan quản lý hồ sơ do quân đội, công an quản lý 12 ngày làm việc - UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 07 ngày làm việc.	- Cơ quan quản lý hồ sơ do quân đội, công an quản lý 12 ngày làm việc - UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 3,5 ngày làm việc.	
		- Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý:	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc; - Sở Nội vụ 07 ngày làm việc.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 3,5 ngày làm việc	
76.	1.010822	Thủ tục giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	12 ngày	6 ngày	
77.	1.010823	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi			

78.	1.010824	Thủ tục hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần, trong đó: -Trợ cấp một lần, mai táng phí;	- UBND cấp xã 07 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 3,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 6 ngày.	
		- Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng;	- UBND cấp xã 12 ngày - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 6 ngày - Sở Nội vụ 6 ngày.	
		- Thủ tục trợ cấp tuất hằng tháng đối với trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.	- UBND cấp xã 12 ngày. - Sở Nội vụ 12 ngày. - Hội đồng giám định y khoa không tính thời gian.	-UBND cấp xã 6 ngày - Sở Nội vụ 6 ngày. - Hội đồng giám định y khoa không tính thời gian.	
79.	1.010825	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 12 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc. - Sở Nội vụ 6 ngày.	
80.	1.010826	Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	- Sở Nội vụ trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin và có văn bản kèm giấy tờ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 130 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.	- Sở Nội vụ trong thời gian 06 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin và có văn bản kèm giấy tờ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 130 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.	

			- Sở Nội vụ trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung thông tin của cơ quan có thẩm quyền, có trách nhiệm ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ người có công	- Sở Nội vụ trong thời gian 06 ngày kể từ ngày nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung thông tin của cơ quan có thẩm quyền, có trách nhiệm ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ người có công	
81.	1.010827	Thủ tục di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	12 ngày	6 ngày	
82.	1.010828	Thủ tục cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	12 ngày	6 ngày	
83.	1.010829	Thủ tục di chuyển hài cốt liệt sĩ đang được an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
84.	1.010830	Thủ tục di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
85.	1.010831	Thủ tục Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	15 ngày	7,5 ngày	
86.	2.001157	Thủ tục Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 10 ngày	- UBND cấp xã 2,5 ngày. - Sở Nội vụ 05 ngày	
87.	2.001396	Thủ tục Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 10 ngày	- UBND cấp xã 2,5 ngày. - Sở Nội vụ 05 ngày	
88.	1.001257	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc	- UBND cấp xã 2,5 ngày.	

		Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, thành phố trực thuộc Trung ương	- Sở Nội vụ 10 ngày	- Sở Nội vụ 05 ngày	
89.	2.002308	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Không quy định	Phòng đề xuất 19 ngày (trong đó UBND cấp xã 07 ngày làm việc, Sở Nội vụ 12 ngày).	
90.	1.013746	Thủ tục xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
91.	1.013747	Thủ tục lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
92.	1.011386	Thủ tục Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	84 ngày (trong đó: Sở Nội vụ 24 ngày; Hội đồng Giám định Y khoa 60 ngày)	42 ngày, (trong đó: Sở Nội vụ 12 ngày; Hội đồng Giám định Y khoa 30 ngày)	
93.	2.002307	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	- UBND cấp xã 05 ngày làm việc - Sở Nội vụ 10 ngày.	- UBND cấp xã 2,5 ngày làm việc - Sở Nội vụ 05 ngày làm việc	
94.	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
95.	1.012929	Thủ tục thành lập hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
96.	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	- 45 ngày làm việc đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường. - 15 ngày làm việc đối với đại hội thành	- 22,5 ngày làm việc đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường.	

			lập.	- 7,5 ngày làm việc đối với đại hội thành lập.	
97.	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
98.	1.012945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
99.	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
100.	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
101.	1.012948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
102.	1.013017	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60 ngày	30 ngày	
103.	1.013018	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	60 ngày	30 ngày	
104.	1.013019	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	60 ngày	30 ngày	
105.	1.013020	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60 ngày	30 ngày	
106.	1.013021	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
107.	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ.	60 ngày	30 ngày	
108.	1.013023	Thủ tục quỹ tự giải thể	60 ngày	30 ngày	
109.	1.012655	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	45 ngày	30 ngày	
110.	1.012660	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	45 ngày	25 ngày	
111.	1.012672	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày	40 ngày	

112.	1.012661	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày	45 ngày	
113.	1.012641	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày	40 ngày	
114.	1.012639	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	45 ngày	30 ngày	
115.	1.012637	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	45 ngày	30 ngày	
116.	1.012664	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày	10 ngày	
117.	1.012659	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	30 ngày	15 ngày	
118.	1.012658	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày	20 ngày	
119.	1.012648	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	30 ngày	20 ngày	
120.	1.012645	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày	10 ngày	
121.	1.012657	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày	20 ngày	
122.	1.012656	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	30 ngày	15 ngày	
123.	1.012653	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày	20 ngày	

		đến địa bàn tỉnh khác			
124.	1.012607	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh	30 ngày	20 ngày	
125.	1.012606	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	30 ngày	20 ngày	
126.	1.012605	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	30 ngày	15 ngày	
127.	1.012646	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	30 ngày	15 ngày	
128.	1.012644	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	30 ngày	10 ngày	
129.	1.012632	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày	20 ngày	
130.	1.012629	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo	20 ngày	15 ngày	
131.	1.012628	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	20 ngày	10 ngày	
132.	1.012616	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	30 ngày	10 ngày	
133.	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	Chậm nhất 60 ngày	Chậm nhất 30 ngày	
134.	1.013934	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	- 10 ngày đối với cấp Giấy chứng - 03 ngày đối với cấp lại Giấy chứng	- 07 ngày làm việc đối với TTHC cấp mới - 03 ngày đối với cấp	

			nhận	ại Giấy chứng nhận	
135.	1.013932	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước	- Thời hạn cung cấp tài liệu chậm nhất là 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu đọc tài liệu lưu trữ. - Thời hạn cung cấp tài liệu chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu sao và xác thực tài liệu lưu trữ - Đối với tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện, thời hạn cung cấp tài liệu chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu đọc tài liệu lưu trữ, Phiếu yêu cầu sao và xác thực tài liệu lưu trữ.	- Thời hạn cung cấp tài liệu chậm nhất là 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu đọc tài liệu lưu trữ. - Thời hạn cung cấp tài liệu chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu sao và xác thực tài liệu lưu trữ - Đối với tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện, thời hạn cung cấp tài liệu chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu đọc tài liệu lưu trữ, Phiếu yêu cầu sao và xác thực tài liệu lưu trữ.	
136.	2.001717	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
137.	1.003999	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
138.	2.001683	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
139.	1.014111	Thi tuyển công chức	120 ngày làm việc (tổng thời gian theo	60 ngày làm việc	

			<i>quy định: 190 ngày làm việc)</i>		
140.	1.014113	Xét tuyển công chức	60 ngày làm việc (<i>tổng thời gian theo quy định: 85 ngày làm việc</i>)	30 ngày làm việc	
141.	1.014116	Thủ tục Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Không quy định thời gian	Không quy định thời gian	
142.	1.012299	Thủ tục thi tuyển viên chức	105 ngày làm việc (<i>tổng thời gian theo quy định: 210 ngày làm việc</i>)	52,5 ngày làm việc	
143.	1.012300	Thủ tục xét tuyển Viên chức	90 ngày làm việc (<i>tổng thời gian theo quy định: 180 ngày làm việc</i>)	45 ngày làm việc	
144.	1.012301	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Không quy định thời gian	Không quy định thời gian	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
1.	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
2.	1.011547	vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

3.	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
4.	1.010832	Thủ tục thăm viếng mộ liệt sĩ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
5.	1.010833	Thủ tục cấp giấy xác nhận thân nhân người có công	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
6.	1.012939	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
7.	1.012940	Thủ tục thành lập hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
8.	1.012949	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	- 45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); - 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập)	- 22,5 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); - 7,5 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập)	
9.	1.012941	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
10.	1.012950	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
11.	1.012951	Thủ tục hội tự giải thể	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
12.	1.012952	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
13.	1.005201	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
14.	1.013024	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
15.	1.013025	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	

		đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ			
16.	1.013026	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
17.	1.013027	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
18.	1.013028	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
19.	1.013029	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
20.	1.013030	Thủ tục quỹ tự giải thể	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
21.	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	20 ngày	10 ngày	
22.	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	20 ngày	15 ngày	
23.	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	15 ngày	10 ngày	
24.	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	20 ngày	15 ngày	
25.	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	15 ngày	05 ngày	
26.	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	15 ngày	05 ngày	
27.	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn	25 ngày	15 ngày	

		hoạt động ở một xã			
28.	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	25 ngày	20 ngày	
29.	1.013798	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	25 ngày	20 ngày	
30.	1.012222	Công nhận người có uy tín	20 ngày làm việc	08 ngày làm việc	
31.	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	20 ngày làm việc	08 ngày làm việc	